

Một số giải pháp cơ bản nhằm phát triển thị trường khoa học - công nghệ ở Việt Nam

Phạm Văn Dũng*

*Khoa Kinh tế Chính trị, Trường Đại học Kinh tế,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tóm tắt. Phát triển nhanh thị trường khoa học - công nghệ là đòi hỏi bức xúc đối với Việt Nam hiện nay. Để thực hiện được điều đó, Nhà nước cần phải giải quyết rất nhiều vấn đề, trong đó quan trọng nhất là phải đào tạo, phát triển được nguồn nhân lực khoa học - công nghệ; chuyển các cơ quan nghiên cứu khoa học - công nghệ sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp; xây dựng, hoàn thiện các thể chế của thị trường khoa học - công nghệ; xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường; phát triển kinh tế tri thức, thực hiện công nghiệp hoá rút ngắn... Hiện nay, phát triển thị trường khoa học - công nghệ không thể tách rời tiến trình hội nhập toàn diện của đất nước. Mặc dù phải vượt qua không ít thách thức nhưng hội nhập là cơ hội to lớn cho sự phát triển nhanh chóng thị trường này. Cần phải có những giải pháp cụ thể để tận dụng những cơ hội đó. Với những thành tựu của đổi mới và hội nhập; với những kinh nghiệm của phát triển thị trường khoa học - công nghệ những năm vừa qua, Việt Nam hoàn toàn có khả năng phát triển nhanh chóng thị trường khoa học - công nghệ trong những năm tới.

Thị trường khoa học - công nghệ có vai trò to lớn đối với phát triển khoa học - công nghệ, tăng trưởng kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Để phát triển thị trường khoa học - công nghệ, Nhà nước cần phải đưa ra được các chính sách làm tăng cung, kích cầu trên thị trường; làm cho người mua, người bán trong và ngoài nước gặp nhau và khắc phục các khuyết tật trên thị trường này... Trong khuôn khổ bài báo, chúng tôi xin chỉ bàn một số giải pháp quan trọng nhất.

1. Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ

Hàng hoá khoa học - công nghệ là sản phẩm của trí tuệ con người, do con người

khai thác sử dụng. Do đó, muốn phát triển thị trường khoa học - công nghệ phải xây dựng được đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ. Điều này đã được kiểm nghiệm và chứng minh qua sự phát triển của một số quốc gia như Singapo, Hàn Quốc, Ấn Độ, Trung Quốc... [1]

Quy mô và trình độ đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ phụ thuộc trước hết và trực tiếp vào hệ thống Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đại học. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, sự phát triển của hệ thống GD&ĐT đại học tùy thuộc vào việc giải quyết những vấn đề chủ yếu sau đây:

+ *Định hướng phát triển giáo dục đại học*

Nguồn nhân lực khoa học - công nghệ là nguồn nhân lực chất lượng cao, là “máy cái”. Do đó, để tạo lập được nguồn nhân lực này, cần phải đào tạo những người thông minh nhất với những điều kiện vật chất tốt nhất có

* ĐT: 84-4-7541041

E-mail: phamvandungkte@yahoo.com.vn

thể. Trong khi khả năng về nhiều phương diện còn có hạn, Việt Nam cần xem xét lại chiến lược đầu tư cho giáo dục đại học và sau đại học.

Hệ thống giáo dục đại học cần phải thực hiện 2 mục tiêu: *một là*, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp; *hai là*, đào tạo nhân tài cho khoa học - công nghệ. Để thực hiện mục tiêu thứ nhất, cần phải huy động các nguồn lực của xã hội, đặc biệt là của người dân (đóng học phí) và các doanh nghiệp. Việc mở các trường đại học, cao đẳng, các trường đào tạo nghề ở các địa phương, thậm chí ở những doanh nghiệp lớn, dưới các hình thức trường công, trường bán công, trường tư thục là rất cần thiết.

Để thực hiện mục tiêu thứ hai (đào tạo nhân tài), cần có sự hỗ trợ của Nhà nước. Bằng các cơ quan chuyên môn, Nhà nước có khả năng tìm kiếm được những người có khả năng trở thành nhân tài. Hơn nữa, Nhà nước mới đủ điều kiện để đầu tư đào tạo nhân tài với quy mô đủ lớn và lâu dài. Do đó, ngân sách nhà nước nên tập trung đầu tư cho các trường đại học có uy tín; cho những sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh học giỏi. Khi đầu tư tập trung, Nhà nước có điều kiện đầu tư đến nơi đến chốn và sẽ có được sản phẩm đào tạo chất lượng cao. Thực tế đào tạo hệ cử nhân tài năng, các lớp chất lượng cao ở Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội đã minh chứng cho điều đó.

Hiện nay đất nước ta đang rất thiếu những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực công nghệ cao có trình độ quốc tế. Hơn nữa, do điều kiện và khả năng về cơ sở vật chất, cũng như môi trường nghiên cứu, thí nghiệm... của các trường đại học Việt Nam còn rất nhiều hạn chế nên chỉ dựa vào các cơ sở đào tạo trong nước là không đủ. Coi trọng hợp tác quốc tế trong việc phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ là cần thiết. Việc hợp tác gửi người đi đào tạo đại học và

sau đại học ở các nước phát triển không chỉ có ý nghĩa trước mắt, mà còn có ý nghĩa lâu dài.

Cần chú trọng nâng cao chất lượng của đội ngũ giáo viên tại các trường đại học, cao đẳng, các trường đào tạo nghề bằng việc cử đi đào tạo tại các nước có trình độ khoa học - công nghệ tiên tiến; đặt ra yêu cầu cao cho cán bộ; có cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ tự học, tự nghiên cứu. Đồng thời có chính sách đãi ngộ hợp lý để họ yên tâm giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Cần tranh thủ đội ngũ trí thức là Việt kiều. Trong số họ, có nhiều người được học tập và làm việc trong môi trường khoa học - công nghệ tiên tiến. Họ có thể đóng góp nhất định cho sự phát triển khoa học - công nghệ của đất nước.

+ Phát triển thị trường giáo dục - đào tạo

Hoạt động GD&ĐT là sự tìm tòi và truyền thụ những kiến thức, kỹ năng, các giá trị... Để có được những hoạt động (dịch vụ) đó, người cung ứng (người dạy) phải trải qua quá trình lao động lâu dài, hao tổn cả về thể lực và trí lực. Trong cơ chế thị trường, để duy trì những hoạt động đó, người cung ứng cần được trả công. Việc trả công càng xứng đáng, người cung ứng càng có điều kiện mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Nhu cầu về dịch vụ giáo dục - đào tạo là tất yếu. GD&ĐT trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, nó mang tính nhân văn mà xã hội nào cũng muốn vươn tới. Đồng thời, những kiến thức và kỹ năng còn giúp người lao động có thể nhận được thu nhập cao hơn. Lúc này, dịch vụ GD&ĐT trở thành một trong các yếu tố cấu thành đầu vào của thị trường lao động. Đối với người thụ hưởng dịch vụ giáo dục (người học), nếu phải trả tiền, họ sẽ phải cân nhắc, lựa chọn sử dụng dịch vụ sao cho kết quả nhận được là tốt nhất. Nếu giá quá cao hoặc không tương xứng với chất lượng, người mua sẽ từ chối dịch vụ. Điều đó có nghĩa là, người bán không thể cung ứng dịch

vụ với bất kỳ giá cả và chất lượng nào; mà phải quan tâm đến nhu cầu, thị hiếu của người mua.

Như vậy, nếu dịch vụ GD&ĐT là hàng hoá sẽ đem lại lợi ích cho cả người dạy, người học và toàn xã hội. Muốn nâng cao chất lượng GD&ĐT phải phát triển thị trường giáo dục - đào tạo. Vì vậy, phát triển thị trường giáo dục - đào tạo là tất yếu, cần thiết cho các quốc gia.

Hàng hoá GD&ĐT không phải là một hàng hoá công cộng vì chúng thiếu tính phi cạnh tranh về phương diện tiêu dùng và tính không thể loại trừ. Do đó, hàng hoá GD&ĐT là hàng hoá tư nhân, có thể do tư nhân, có thể do chính phủ cung cấp. Vì thế, nếu nhìn dưới góc độ xã hội thì hệ thống GD&ĐT bao cấp, hoàn toàn thuộc sở hữu Nhà nước dễ trở nên khô cứng, kém linh hoạt và khó đóng góp một cách tích cực vào sự phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ. Nhưng nếu quá coi trọng tính chất hàng hoá của sản phẩm GD&ĐT thì dễ đẩy xã hội vào trạng thái phân cực, bất bình đẳng.

Để thực hiện mục tiêu công bằng trong GD&ĐT, các chính phủ thường lựa chọn cách thức cung cấp miễn phí và bắt buộc với một số bậc học cơ sở tùy theo điều kiện và khả năng của ngân sách cũng như hệ thống cơ sở hạ tầng về trường lớp, giáo viên. Tư nhân có thể tham gia ở những bậc học này nhưng phải được kiểm soát về nội dung, chất lượng đào tạo. Các chi phí học tập được chính phủ chi trả. Ở các bậc học cao hơn, thị trường về GD&ĐT được phát triển mạnh hơn. Theo cách nói phổ biến hiện nay, GD&ĐT đang được xã hội hoá rộng rãi. Xã hội hóa GD&ĐT bao hàm các nội dung:

Thứ nhất, đáp ứng nhu cầu có khả năng thanh toán cho tất cả những thành viên trong xã hội có nhu cầu được đào tạo theo các cấp bậc khác nhau (từ phổ thông đến đại học).

Tức là đáp ứng nhu cầu có khả năng thanh toán của các thành viên trong xã hội về GD&ĐT.

Thứ hai, giảm bớt gánh nặng ngân sách nhà nước bằng con đường nhà nước và nhân dân cùng đóng góp. Nhờ đó, huy động được nguồn vốn từ các thành viên có nhu cầu đào tạo; giành giới về nguồn kinh phí Nhà nước và tư nhân ngày càng mờ nhạt.

Như vậy, xu hướng tất yếu là nhu cầu về dịch vụ GD&ĐT sẽ được đáp ứng bằng kinh phí của chính người có nhu cầu; GD&ĐT cần phải được coi là một thứ hàng hoá và lĩnh vực GD&ĐT phải hoạt động theo những nguyên tắc thị trường mới có thể đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Tính chất thị trường trong hoạt động GD&ĐT thể hiện:

- Các cơ sở GD&ĐT của tư nhân, của nước ngoài song song tồn tại với các cơ sở của Nhà nước và là nơi cung cấp các hàng hoá là kiến thức, tri thức khoa học, kỹ năng làm việc...

- Những bài giảng, những giáo trình, những phương pháp, kỹ năng được luật pháp bảo hộ. Chúng thực sự trở thành những hàng hoá khoa học - công nghệ được mua bán trên thị trường.

- Người học phải đóng học phí. Mức học phí phải bù đắp được chi phí đào tạo và đem lại lợi nhuận hợp lý cho cơ sở đào tạo.

Trong thời gian đầu, khi thị trường GD&ĐT mới hình thành, một số tiêu cực có thể nảy sinh, làm cho hệ thống thị trường hoạt động chưa đạt ngay được sự tối ưu. Những mặt trái chủ yếu của thị trường GD&ĐT là:

Thứ nhất, các cơ sở GD&ĐT kể cả của nhà nước hay của tư nhân có thể lạm dụng tính thị trường để mở rộng quy mô GD&ĐT vượt quá khả năng đảm bảo cả trên phương diện cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học, cả về

đội ngũ giáo viên. Việc mở rộng quy mô vượt quá khả năng sẽ dẫn đến suy giảm chất lượng GD&ĐT. Sau một thời gian hoạt động nhất định của thị trường, quan hệ cung - cầu được tự động điều chỉnh; quan hệ cạnh tranh được thiết lập, các cơ sở GD&ĐT buộc phải chú ý đến chất lượng để nâng cao khả năng cạnh tranh. Điều đó có nghĩa là nhà nước chỉ phải can thiệp vào quy mô đào tạo ở thời kỳ đầu.

Thứ hai, thị trường đòi hỏi nhà trường phải “dạy cái mà xã hội cần chứ không phải dạy cái mà các cơ sở có” giúp GD&ĐT mang tính thực tiễn hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội trong từng ngành cụ thể. Tuy vậy, xét trên dài hạn và trên tổng thể nền kinh tế, nếu không có sự định hướng của Nhà nước, nguyên tắc thị trường này sẽ khuyến khích các cơ sở GD&ĐT chạy theo nhu cầu học tập thời thượng của các “khách hàng”. Người học đổ xô vào những ngành nghề đang được coi là hấp dẫn, dễ kiếm việc. Hậu quả là giáo dục toàn diện bị coi nhẹ, những ngành nghề quan trọng chưa mang lại hiệu quả trong thời gian ngắn bị bỏ rơi, cơ cấu GD&ĐT và ngành nghề mất cân đối trên phạm vi vĩ mô.

Thứ ba, các cơ sở GD&ĐT muốn chủ động trong các hoạt động và hoạch định chiến lược phát triển lâu dài phải duy trì một số lượng nhất định giảng viên, nhà khoa học trong biên chế. Tuy nhiên, nếu số biên chế này quá lớn hay có sự phân biệt giữa người trong biên chế và người ngoài biên chế về tiền lương, chính sách đãi ngộ... thì sẽ làm thị trường hoạt động không hiệu quả.

- Phương hướng phát triển thị trường GD&ĐT.

Sự phát triển thị trường GD&ĐT là tất yếu và đem lại lợi ích to lớn. Do đó, cần phải chủ động tạo lập những điều kiện cho sự hình thành, phát triển của thị trường GD&ĐT; hướng hoạt động GD&ĐT ngày

càng hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường khoa học - công nghệ.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập, phát triển thị trường GD&ĐT phải gắn với đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong GD&ĐT; mở cửa thị trường GD&ĐT.

Nhà nước cần có sự can thiệp hợp lý nhằm hạn chế những mặt trái của thị trường GD&ĐT; đồng thời hỗ trợ tích cực những cơ sở GD&ĐT hoạt động có hiệu quả.

- Những giải pháp cụ thể.

Một là, sớm hoàn chỉnh khung pháp lý để tạo lập thị trường GD&ĐT.

Xây dựng một khung pháp lý hoàn chỉnh là một việc rất quan trọng nhằm tạo nền tảng cho mọi hoạt động của thị trường. Khung pháp lý hướng dẫn và điều chỉnh các chủ thể tham gia vào thị trường, quy định phạm vi hoạt động của thị trường. Việc xây dựng một khung pháp lý phù hợp và đúng đắn cần phải được triển khai từ các cấp lãnh đạo, có sự tham gia đóng góp của các cơ sở tham gia hoạt động GD&ĐT.

Hai là, tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở GD&ĐT.

Trong cơ chế thị trường, những người cung ứng hàng hoá, dịch vụ phải là những chủ thể độc lập. Họ phải trả lời các câu hỏi: sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào? cho ai? Do đó, muốn nâng cao chất lượng GD&ĐT, cần phải tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở GD&ĐT. Sự can thiệp của Nhà nước chỉ là để khắc phục các khuyết tật của thị trường. Nhà nước can thiệp bằng luật pháp, bằng việc kiểm soát các quy trình đào tạo, chương trình, giáo trình...

Ba là, khuyến khích phát triển và hỗ trợ các cơ sở GD&ĐT tư nhân và nước ngoài.

Mở rộng và khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội vào phát triển các loại hình GD&ĐT. Có chính sách cho thuê hoặc mượn đất xây dựng trường học. Đồng thời, thực

hiện chuyển một số cơ sở GD&ĐT của nhà nước sang hình thức bán công hoặc khoán, cho thuê cơ sở vật chất. Việc hỗ trợ của nhà nước đối với các cơ sở GD&ĐT tư nhân, một mặt có tác dụng tạo ra nhiều đối tác cạnh tranh với các cơ sở của Nhà nước, qua đó gây áp lực với các cơ sở nhà nước, buộc các cơ sở này phải nâng cao chất lượng và hiệu quả GD&ĐT. Mặt khác, tạo điều kiện cho quản lý nhà nước đối với các hoạt động GD&ĐT tư nhân theo đúng đường lối, chính sách, giảm thiểu các thất bại của thị trường, từ đó đảm bảo lợi ích của mỗi người dân, cũng như của toàn xã hội.

Bốn là, thành lập tổ chức kiểm định chất lượng GD&ĐT.

Khác với các hàng hoá thông thường, giá trị sử dụng của hàng hoá GD&ĐT chỉ được kiểm nghiệm sau hành vi mua bán. Đặc điểm này làm cho tính chất thông tin không đối xứng trên thị trường GD&ĐT có thể mang đến những thiệt hại to lớn cho người mua hàng hoá GD&ĐT. Đối với những quốc gia có thị trường chưa hoàn thiện, cung còn quá ít so với cầu, các công cụ điều tiết của Chính phủ còn chưa đủ mạnh như ở Việt Nam, vấn đề này càng trở nên rõ nét. Những thiệt hại về phía người tiêu dùng thể hiện ở những hiện tượng như: nhiều cơ sở GD&ĐT thiếu trách nhiệm với khách hàng của mình về chất lượng hàng hoá cung cấp cho họ, không đảm bảo đúng như quảng cáo ban đầu, làm cho người mua hàng hoá không sử dụng được trong hoạt động thực tiễn... Vì vậy, để bảo vệ khách hàng, Nhà nước cần sớm thành lập tổ chức kiểm định chất lượng nhằm giúp người học phân biệt được chất lượng của các cơ sở GD&ĐT, hạn chế thiệt hại do thiếu thông tin về thị trường. Sự hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng cũng cung cấp thông tin giúp nhà nước đưa ra các giải pháp đúng đắn về hỗ trợ hay giải thể những cơ sở đào tạo hiện hành.

2. Chuyển đổi các cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp

Trong thời kỳ trước đổi mới, các cơ quan nghiên cứu khoa học - công nghệ của nước ta đều do Nhà nước thành lập. Cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu của phần lớn các viện Nghiên cứu và triển khai khoa học - công nghệ (R&D) thường nghèo nàn, lạc hậu. Nhà nước giao nhiệm vụ và cấp kinh phí cho viện R&D hoạt động theo kế hoạch.

Nội dung đề tài R&D thường có nguồn gốc từ quy hoạch phát triển ngành kinh tế, nhu cầu hợp tác quốc tế, nhu cầu học thuật, sở trường chuyên môn của người nghiên cứu, ý tưởng của người lãnh đạo, nhu cầu tồn tại và phát triển viện R&D; những đề tài có nguồn gốc từ nhu cầu của sản xuất và đời sống còn chưa đáng kể...

Trong thời kỳ chuyển đổi cơ chế, các viện R&D từng bước thích ứng với những điều kiện của cơ chế thị trường đang hình thành. Phần lớn các viện R&D đã chuyển dần từ hoạt động "theo chức năng" sang hoạt động "theo nhu cầu"; tự điều chỉnh, khắc phục dần khoảng cách giữa những khả năng thực tế của mình với những nhu cầu thực tế của sự phát triển kinh tế - xã hội. Viện R&D đã từng bước tập trung hoạt động của mình vào những mục tiêu thiết thực, bao gồm những mục tiêu trong chức năng và những mục tiêu ngoài chức năng.

Trên cơ sở đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước, các viện R&D đã được mở rộng quyền tự chủ trong hoạt động của mình. Viện có quyền ký hợp đồng công việc và hợp đồng lao động; quyền tự chủ về kế hoạch hoạt động R&D và tự chủ về tài chính; quyền chủ động hợp tác với các cơ quan khoa học, sản xuất, kinh doanh; quyền làm dịch vụ tư vấn khoa học, thiết kế và trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh; quyền phân phối lợi nhuận...

Cơ chế thị trường tác động làm cho các viện R&D dần dần đổi mới và hoạt động R&D đã trở thành phong phú hơn, hiện thực hơn nhưng cũng khắt khe hơn. Tuy chưa hình thành rõ rệt thị trường Khoa học - Công nghệ nhưng đã có nhiều giải pháp linh hoạt trong quan hệ cung - cầu, cạnh tranh. Mỗi quan hệ cung - cầu, cạnh tranh này đã chi phối trở lại hoạt động của các viện R&D ngày một rõ rệt hơn.

Nguồn tài chính của các viện R&D được mở rộng. Ngoài vốn cấp phát từ ngân sách, viện R&D có thể sử dụng các nguồn vốn hợp đồng, nguồn vốn tự có, nguồn vốn viện trợ nước ngoài... cho nhiều mặt hoạt động R&D của mình. Các khả năng và các hình thức thanh toán cũng được đa dạng hoá theo hướng linh hoạt và dần dần được hợp lý hoá.

Môi trường hợp tác quốc tế cũng được mở rộng cho các viện R&D. Ngoài mối quan hệ truyền thống với Liên Xô (trước đây) và các nước Xã hội Chủ nghĩa (cũ), đã có điều kiện cho các viện R&D xây dựng các mối quan hệ hợp tác khoa học với một số nước phương Tây, các nước trong khu vực, các tổ chức chuyên môn của Liên Hợp Quốc (UNIDO), các nhà khoa học nước ngoài...

Với tư cách doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu, phát minh khoa học - công nghệ sẽ phải tự quyết định, tự chịu trách nhiệm về hoạt động nghiên cứu của mình. Vì lợi ích của mình, doanh nghiệp khoa học - công nghệ sẽ phải quan tâm nhu cầu của thị trường; sử dụng các nguồn lực hiệu quả. Đồng thời, hình thức doanh nghiệp giúp chuyển giao công nghệ nhanh chóng, hiệu quả; là phương thức tốt nhất để gắn kết giữa nghiên cứu khoa học - công nghệ với những yêu cầu của cuộc sống.

Các doanh nghiệp khoa học - công nghệ là phương thức chuyển giao công nghệ nhanh nhất. Phần đông các doanh nghiệp ở nước ta, nhất là các doanh nghiệp thuộc khu

vực kinh tế tư nhân, mới được thành lập trong những năm gần đây, có năng lực không lớn: không đủ vốn để đổi mới công nghệ; chưa đủ trình độ để làm chủ công nghệ mới; còn ngần ngại, không dám mạo hiểm kinh doanh. Vì lợi ích của mình, các doanh nghiệp khoa học - công nghệ phải hỗ trợ các doanh nghiệp thông thường trong việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu, các phát minh, sáng chế. Các nhà khoa học vì thế sẽ gắn với thực tiễn hơn, các nghiên cứu sẽ thiết thực hơn và được ứng dụng nhanh hơn.

Như vậy, chuyển đổi các cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp là tất yếu trong quá trình phát triển thị trường khoa học - công nghệ ở nước ta [2].

Phát triển các vườn ươm doanh nghiệp

Vườn ươm doanh nghiệp - một tổ chức liên kết giữa trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học, chính quyền và các doanh nghiệp khởi sự (hay các nhóm, cá nhân có ý định thành lập doanh nghiệp). Tổ chức này có mục đích tạo một "lồng ấp", một môi trường "nuôi dưỡng" các doanh nghiệp khởi sự trong một thời gian nhất định để các đối tượng này có thể vượt qua những khó khăn ban đầu, khẳng định sự tồn tại và phát triển như những doanh nghiệp độc lập.

Theo Tổ chức Phát triển Công nghiệp của UNIDO thì "Vườn ươm doanh nghiệp (TBI) là một tổ chức tiến hành một cách hệ thống quá trình tạo dựng các doanh nghiệp mới, cung cấp cho các doanh nghiệp này một hệ thống toàn diện và thích hợp các dịch vụ để hoạt động thành công". UNIDO cho rằng TBI là công cụ hữu hiệu để giúp chuyển giao công nghệ và hợp tác giữa lĩnh vực nghiên cứu khoa học với lĩnh vực công nghiệp. Nó giúp giải quyết vấn đề có liên quan phát triển kinh tế địa phương, thông qua việc cải thiện và tăng cường hoạt động kinh doanh. TBI là công cụ cơ bản để thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp mới khởi sự, trên cơ sở đó thúc

đẩy phát triển công ăn việc làm và chuyển giao công nghệ.

Ngoài ra, các vườn ươm còn có nhiều vai trò khác nữa, không chỉ phục vụ các doanh nghiệp mới khởi nghiệp đóng trong vườn ươm, mà còn hỗ trợ cho cả cộng đồng địa phương. Về cơ bản, vườn ươm tạo ra ba loại giá trị gia tăng: Hỗ trợ các doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập, trong quá trình trưởng thành và lớn mạnh trong thị trường; đóng góp cho sự phát triển kinh tế địa phương và vùng; bản thân vườn ươm cũng là một doanh nghiệp dịch vụ [3].

Qua thực tế các hội chợ khoa học - công nghệ được tổ chức các năm gần đây ở nước ta, những hợp đồng nghiên cứu phát triển công nghệ được ký kết giữa các doanh nghiệp với các tổ chức khoa học - công nghệ rất ít. Các doanh nghiệp đến hội chợ chủ yếu để mua máy móc thiết bị, công nghệ có sẵn. Bên cạnh việc hạn chế trong chủng loại hàng hoá, các tổ chức khoa học - công nghệ cũng rất hạn chế trong việc chủ động trong việc nghiên cứu thị trường, chủ động trong việc "gõ cửa" các doanh nghiệp để giới thiệu bán các sản phẩm, cũng như việc hợp tác nghiên cứu cùng các doanh nghiệp để cải tiến, phát triển và tạo ra các công nghệ mới, các sản phẩm mới.

Mặc dù đã có cơ chế và những quy định chuyển đổi từ tổ chức khoa học - công nghệ sang doanh nghiệp khoa học - công nghệ để nâng cao tính chủ động và để xoá bỏ dần tình trạng bao cấp đối với các tổ chức này, song tiến trình này còn chậm. Nhiều tổ chức ngại chuyển đổi, chủ yếu vẫn trông chờ vào các chương trình nghiên cứu được đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, tính hiệu quả và thực tế của các chương trình này phụ thuộc ngay từ khi tuyển chọn các chương trình, cơ quan, tổ chức khoa học - công nghệ thực hiện chương trình, việc tổ chức thực hiện chương trình, rồi quá trình thẩm định, quá trình triển khai thực tế... Trong điều kiện Việt Nam đang rất thiếu các

chuyên gia đầu ngành có trình độ quốc tế, đương nhiên quá trình thẩm định sẽ khó đạt được kết quả cao...

3. Hoàn thiện các thể chế hỗ trợ thị trường khoa học - công nghệ

+ Hoàn thiện môi trường pháp lý

Mặc dù trong thời gian qua, Quốc hội, Chính phủ, các bộ đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng luật về phát triển thị trường khoa học - công nghệ. Sự ra đời của Bộ Luật hình sự năm 1999 với các điều khoản liên quan đến các tội phạm về làm hàng giả, việc vi phạm quyền sở hữu công nghiệp... tiếp đó là Luật khoa học - công nghệ năm 2000, Luật sở hữu trí tuệ 2005, Bộ Luật dân sự năm 2005. Trong Bộ Luật dân sự mới này, những bổ sung, sửa đổi phù hợp với luật quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, các vấn đề về chuyển giao công nghệ. Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Luật chuyển giao công nghệ được Quốc hội thông qua tháng 6/2006 và tháng 11/2006. Cùng với các sắc luật là hàng loạt các pháp lệnh, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đã được ban hành [4].

Như vậy, hành lang pháp lý cho sự phát triển thị trường khoa học - công nghệ về cơ bản đã được tạo lập. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật của Việt Nam nói chung vẫn còn nhiều bất cập. Việc ban hành các văn bản dưới luật còn chậm, có những văn bản dưới luật còn chồng chéo. Do nền kinh tế đang tăng trưởng nhanh, nhiều nhân tố mới xuất hiện, pháp luật không được điều chỉnh kịp thời dẫn đến một số văn bản pháp luật lạc hậu, không khả thi. Tính chuyên nghiệp trong việc xây dựng pháp luật còn yếu nên tính ổn định của các đạo luật chưa cao. Từ ngày 11/1/2007 Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO. Do vậy, một số

đạo luật ra đời trước đó sẽ phải có những điều chỉnh.

Để hoàn thiện môi trường pháp lý, Việt Nam cần phải giải quyết những vấn đề sau:

- Đẩy nhanh hơn quá trình ban hành các văn bản pháp luật, các văn bản dưới luật thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ và thị trường khoa học - công nghệ. Tập trung vào việc sớm hoàn thiện để ban hành Pháp lệnh công nghệ cao, Luật chất lượng sản phẩm và hàng hoá. Đây là hai đạo luật cùng với Luật sở hữu trí tuệ, Luật khoa học - công nghệ chính là bộ khung pháp lý quan trọng cho sự phát triển khoa học - công nghệ và thị trường khoa học - công nghệ Việt Nam.

- Bên cạnh việc bổ sung và ban hành sớm các luật, pháp lệnh, vấn đề không thể xem nhẹ là phải xây dựng được một lộ trình điều chỉnh, sửa đổi những văn bản luật đã ban hành trước thời điểm Việt Nam ra nhập WTO, phù hợp với những cam kết của Việt Nam.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật. Bên cạnh đó, cũng cần tăng cường hợp tác quốc tế trong việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong các cơ quan xây dựng pháp luật để có đội ngũ cán bộ có am hiểu sâu rộng, có trình độ chuyên môn cao về luật pháp quốc tế để đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao trong việc xây dựng và ban hành các văn bản luật theo yêu cầu của tiến trình hội nhập [5].

- + *Nâng cao năng lực các cơ quan, tổ chức thông tin, tư vấn về khoa học - công nghệ và dịch vụ chuyển giao công nghệ*

Do đặc điểm của thị trường khoa học - công nghệ, các cơ quan, tổ chức này là những thành tố không thể thiếu trong việc tạo lập, phát triển thị trường. Các cơ quan này giữ vai trò định hướng, xác lập những nguyên tắc chung giúp cho người bán và người mua đến gần với nhau hơn; giúp cho các giao dịch

trên thị trường được diễn ra một cách thuận lợi hơn, công khai minh bạch hơn. Các cơ quan, tổ chức thông tin, tư vấn giúp cho người bán quảng bá được rộng rãi các sản phẩm của mình; đồng thời giúp cho người mua đánh giá đúng được giá trị của hàng hoá khoa học - công nghệ được giao dịch, nắm bắt được các thông tin cần thiết, các cách thức cần thiết trong việc cải tiến, đổi mới công nghệ; giúp cho người bán, người mua giảm thiểu được các rủi ro trong việc chuyển giao, ký kết các hợp đồng... Chính vì vai trò to lớn đó, cần phải nâng cao năng lực của các cơ quan này. Những công việc cần phải thực hiện là:

- Đầu tư hiện đại hoá các trung tâm thông tin, tư vấn hiện có của Nhà nước. Cần quy định những tiêu chuẩn cụ thể về kỹ thuật, về cơ sở vật chất, về chuyên môn trong việc thiết lập mới các trung tâm thông tin tư vấn... Nhìn chung, cần xoá bỏ dần bao cấp để cho các cơ quan này phát huy được năng động, sáng tạo trong các hoạt động của mình.

- Tạo môi trường để mọi thành phần kinh tế tham gia các hoạt động thông tin, tư vấn một cách thuận lợi và cạnh tranh lành mạnh. Xoá bỏ mọi sự phân biệt đối xử giữa các trung tâm tư vấn nhà nước và tư nhân đồng thời tạo điều kiện cho các thành phần này được liên danh, liên kết với các đối tác nước ngoài. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần có những chính sách hỗ trợ cần thiết trong việc tạo lập, phát triển của các cơ quan này.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc pháp luật về thông tin tư vấn. Kiên quyết xử lý các cơ quan tổ chức thông tin, tư vấn vi phạm những quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thông tin, tư vấn như: cung cấp thông tin sai sự thật, cố tình đánh giá sai các thông số kỹ thuật, thực hiện tư vấn ký kết các hợp đồng xâm phạm đến an ninh quốc gia, ảnh hưởng tới môi trường...

+ Thực thi nghiêm túc luật pháp về khoa học - công nghệ

Việt Nam đã ký công ước quốc tế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (Công ước Berne). Tuy nhiên, trong những năm qua, tình trạng vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam khá phổ biến, đứng vào hàng đầu thế giới. Nếu tình trạng này tiếp tục tái diễn sẽ ảnh hưởng lớn đến việc phát triển các sản phẩm phần mềm, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá. Trong điều kiện hiện nay, Việt Nam cần tập trung vào những vấn đề sau:

- Phải tăng cường việc tuyên truyền vận động mọi tầng lớp xã hội ý thức thực hiện pháp luật, mà trước hết là các cơ quan thực thi pháp luật.

- Cần thực hiện nghiêm túc hơn các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ; xử phạt nghiêm khắc những hành vi vi phạm.

- Sử dụng tổng hợp các biện pháp cũng như các lực lượng chuyên trách để xử lý các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn cho các công chức hoạt động trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

- Cần minh bạch hoá về cơ chế, chính sách chuyển giao công nghệ trong các dự án mà Nhà nước là chủ đầu tư. Đồng thời, cần làm tốt hơn việc tư vấn giám sát khi thực hiện các dự án này. Nghiên cứu giảm thiểu các thủ tục hành chính trong việc chuyển giao công nghệ; có chính sách hợp lý để thúc đẩy hỗ trợ chuyển giao công nghệ đối với các doanh nghiệp nhỏ và sản xuất cá thể.

+ Hoàn thiện các thể chế tài chính

Các thể chế tài chính trực tiếp tác động đến sự phát triển thị trường khoa học - công nghệ bằng việc huy động và phân bổ các nguồn vốn cho lĩnh vực này. Hiện nay, nguồn vốn ngân sách dành cho hoạt động khoa học - công nghệ còn thấp và về lâu dài cũng không nên dựa nhiều vào nguồn này. Nguồn tín dụng ưu đãi cho hoạt động khoa

học - công nghệ cũng chưa được chú ý đúng mức. Nhiều chương trình nghiên cứu được đầu tư lớn bằng nguồn ngân sách sau khi nghiệm thu không được ứng dụng, gây lãng phí lớn...

Thực tiễn đòi hỏi Việt Nam cần sớm hoàn thiện các thể chế tài chính để phát triển khoa học - công nghệ. Những vấn đề cần tập trung giải quyết là:

- Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách chi ngân sách cho các hoạt động khoa học - công nghệ. So với các nước phát triển, đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học - công nghệ của nước ta còn quá nhỏ bé, chưa đáp ứng được yêu cầu. Mặc dù cần phải xoá bỏ bao cấp trong các hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ nhưng đầu tư nhà nước vẫn rất quan trọng.

- Đầu tư nhà nước cần tập trung trước hết vào xây dựng kết cấu hạ tầng khoa học - công nghệ, lĩnh vực nghiên cứu cơ bản và đào tạo nhân tài. Đây là những lĩnh vực rất quan trọng nhưng tư nhân không muốn đầu tư hoặc không có khả năng đầu tư. Đồng thời, đầu tư nhà nước cần hướng vào các ngành mũi nhọn, công nghệ cao, các khu công nghệ cao... Ngân sách nhà nước ở các địa phương đầu tư cho khoa học - công nghệ phải ưu tiên những lĩnh vực khoa học - công nghệ có khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất mà địa phương có lợi thế so sánh. Các dự án khoa học - công nghệ trong lĩnh vực khuyến nông đặc biệt cần thiết đối với người dân nông thôn. Tự họ khó có thể tiếp cận và ứng dụng được tiến bộ khoa học - công nghệ do hạn chế về tri thức và nguồn vốn hạn hẹp.

- Thành lập các quỹ đầu tư tài chính cũng như các quỹ cung cấp các khoản tín dụng ưu đãi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ; quỹ đầu tư mạo hiểm; các quỹ hỗ trợ việc đầu tư, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, các quỹ chuyên dụng như quỹ hỗ trợ thực hiện dự án tiết kiệm năng lượng đối với doanh nghiệp...

- Sử dụng các nguồn vốn từ nguồn viện trợ, tài trợ, hợp tác với nước ngoài... trong việc cung cấp tài chính cho các hoạt động khoa học - công nghệ, các hoạt động đổi mới công nghệ trong các dự án trọng điểm về công nghệ quốc gia về công nghệ.

- Xây dựng lộ trình phù hợp đối với việc ưu đãi thuế trong việc xuất nhập khẩu hàng hoá khoa học - công nghệ, thuế thu nhập doanh nghiệp... để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ.

4. Tiếp tục đổi mới kinh tế theo hướng kinh tế thị trường, hội nhập

Tỷ trọng kinh tế nhà nước trên một số lĩnh vực

	2000	2002	2003	2004	2005	2006
% vốn đầu tư	59,1	57,3	52,9	48,1	47,1	46,4
% GDP	38,52	38,38	39,08	39,10	38,40	37,32

Nguồn: Niên giám thống kê 2006, NXB Thống kê, Hà Nội, 2007, tr.72, 89.

Để phát triển thị trường khoa học - công nghệ, việc tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước nhằm tăng cung, tăng cầu về hàng hoá khoa học - công nghệ là rất cần thiết. Đổi mới doanh nghiệp nhà nước trong giai đoạn hiện nay cần được thực hiện theo những định hướng sau:

- Tiếp tục đẩy nhanh quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước. Gắn quá trình này với việc phát triển thị trường chứng khoán. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đã được cổ phần phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán để huy động vốn. Đối với những doanh nghiệp không cổ phần hoá được (thua lỗ thường xuyên) có thể bán hoặc giải thể.

- Nhà nước nên ưu tiên đầu tư cho những ngành công nghiệp mũi nhọn để phát triển những sản phẩm khoa học - công nghệ đủ

+ Đổi mới doanh nghiệp nhà nước

Kinh tế nhà nước (trong đó bao gồm các doanh nghiệp nhà nước) ở nước ta cho đến nay vẫn chiếm tỷ trọng lớn về vốn đầu tư cũng như GDP. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của thành phần kinh tế này nhìn chung còn thấp. Vì nhiều lý do, trình độ khoa học - công nghệ của một bộ phận doanh nghiệp nhà nước còn thấp và đặc biệt là khả năng đổi mới khoa học - công nghệ rất hạn chế. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của thành phần kinh tế này, mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường khoa học - công nghệ Việt Nam.

sức cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trong khu vực và trên thế giới. Các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế nhà nước cần có chiến lược phát triển và chuyển giao công nghệ cho riêng mình.

- Tạo lập môi trường và có lộ trình phù hợp để các doanh nghiệp nhà nước cạnh tranh thật sự bình đẳng với các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.

+ Phát triển kinh tế tư nhân

Kinh tế tư nhân có vai trò to lớn trên nhiều phương diện, từ đó trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến sự phát triển thị trường khoa học - công nghệ. Điều đó xuất phát từ đặc điểm của kinh tế tư nhân.

- Tăng khả năng huy động vốn trong dân cư để phát triển kinh tế. Do đặc tính qui mô vừa và nhỏ của các doanh nghiệp tư nhân trong điều kiện hiện nay, kinh tế tư nhân có khả năng huy động được vốn nhỏ lẻ, dư thừa

trong dân cư. Nhờ huy động được vốn, các doanh nghiệp thuộc khu vực này có nhiều khả năng đổi mới công nghệ. Trong những năm qua ở nước ta, không ít doanh nghiệp tư nhân đã mở rộng quy mô rất nhanh chóng, đồng thời đổi mới được công nghệ, sản xuất được những mặt hàng chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Góp phần đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng. Mục đích của kinh tế tư nhân là lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó, các doanh nghiệp phải quan tâm và đáp ứng tốt nhu cầu của người tiêu dùng. Cùng với sự phát triển của xã hội, những nhu cầu này luôn thay đổi và ngày càng cao. Do đó, các doanh nghiệp tư nhân phải không ngừng ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để đáp ứng các nhu cầu đó.

- Tạo môi trường cạnh tranh. Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh là quy luật. Các doanh nghiệp tư nhân, do theo đuổi lợi ích của mình, phải cạnh tranh lẫn nhau và cạnh tranh với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Cạnh tranh đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới công nghệ.

- Thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế thế giới. Hội nhập kinh tế là xu thế tất yếu đối với tất cả các quốc gia, mang lại cơ hội phát triển nhanh, đồng thời cũng tạo ra những thách thức cho nền kinh tế. Để có thể hội nhập thành công thì buộc nền kinh tế quốc gia cũng như các doanh nghiệp phải nâng cao khả năng cạnh tranh. Do đó, đổi mới công nghệ trở thành đòi hỏi bức bách với doanh nghiệp, với các ngành và nền kinh tế. Đồng thời, hội nhập lại tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của thị trường khoa học - công nghệ như đã trình bày ở trên.

Như vậy, sự phát triển của kinh tế tư nhân sẽ làm gia tăng cầu về hàng hoá khoa học - công nghệ, góp phần tạo lập môi

trường, thúc đẩy thị trường khoa học - công nghệ phát triển. Trong những năm qua, Việt Nam đã có nhiều thay đổi quan trọng, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế này phát triển. Việc tiếp tục các chính sách đó là điều không phải bàn cãi. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, cần có sự điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện.

+ *Đẩy mạnh thu hút đầu tư của các Công ty xuyên quốc gia (TNCs)*

Trong sự tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam từ khi đổi mới, đóng góp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng gia tăng. Đây là khu vực kinh tế có trình độ công nghệ cao và việc đổi mới công nghệ rất nhanh chóng. Nguyên nhân quan trọng dẫn đến thực trạng đó là sự xuất hiện ngày càng nhiều các TNCs hàng đầu của thế giới. Do đó, để đẩy nhanh sự phát triển thị trường khoa học - công nghệ ở Việt Nam, cần đẩy mạnh thu hút đầu tư của các TNCs [5].

Để đẩy mạnh thu hút đầu tư của các TNCs cần phải:

- Phân loại các loại công nghệ để có chính sách ưu đãi cụ thể về thuế suất, về khấu hao nhanh đối với việc áp dụng các công nghệ hiện đại, chuyển giao các hàng hoá khoa học - công nghệ có hàm lượng chất xám cao vào Việt Nam.

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng tại các khu công nghiệp tập trung, đáp ứng được yêu cầu sử dụng các công nghệ hiện đại của các đối tác nước ngoài, trong đó đặc biệt chú trọng các khu công nghệ cao như Khu công nghệ cao Láng - Hoà Lạc, Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh...

- Chọn lọc các doanh nghiệp Việt Nam có đủ năng lực khoa học - công nghệ để liên doanh, liên kết với đối tác nước ngoài sử dụng các công nghệ hiện đại. Cần coi đây là một "kênh" để Việt Nam có thể tiếp cận được nhanh hơn các công nghệ tiên tiến trên thế giới; từng bước tiếp thu làm chủ, tiến tới nghiên cứu phát triển được các công nghệ

của riêng mình thông qua việc đúc rút kinh nghiệm từ quá trình liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài.

- Cần có sự phối hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ có trình độ cao để cung ứng cho các doanh nghiệp này.

- + *Xây dựng lộ trình hội nhập quốc tế về các tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường*

Đây vừa là yêu cầu của Luật chất lượng hàng hóa, đồng thời cũng là cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO. Với trình độ công nghệ còn rất thấp cũng như khả năng đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay có nhiều hạn chế, việc xây dựng một lộ trình phù hợp về tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật... đối với sản phẩm và cơ sở sản xuất sẽ có tác động tích cực và trực tiếp đến sự chuyển đổi các công nghệ của các doanh nghiệp. Việc loại bỏ dần những công nghệ đã lỗi thời không đảm bảo được khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường... không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu của hội nhập, phát triển thị trường khoa học - công nghệ mà còn vì lợi ích lâu dài của đất nước ta. Tuy nhiên, những yêu cầu về các tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường nếu được đẩy nhanh sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp. Do đó, cần phải có lộ trình phù hợp. Trước mắt, Việt Nam cần phải tập trung vào những vấn đề sau:

- Thống kê thực trạng công nghệ tại các doanh nghiệp. Từ đó thực hiện phân loại các công nghệ để đưa ra lộ trình thời gian cụ thể để thay thế các loại công nghệ đó. Loại bỏ ngay các công nghệ đã quá cũ nát, những công nghệ dù có áp dụng những biện pháp xử lý nhưng vẫn ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với thông lệ quốc tế có tính đến điều kiện Việt Nam. Đối với hàng

hoá xuất khẩu, nhà nước cần nhanh chóng phổ biến những tiêu chuẩn kỹ thuật mà các đối tác yêu cầu; đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ nhằm đáp ứng các yêu cầu đó.

- Cần tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của các cơ quan thẩm định, đo lường chất lượng, quản lý thị trường... việc thực hiện các tiêu chuẩn về chất lượng, kỹ thuật của các doanh nghiệp. Việc cấp chứng chỉ chất lượng đối với các sản phẩm cũng đòi hỏi các doanh nghiệp phải đổi mới khoa học - công nghệ.

5. Phát triển kinh tế tri thức, thực hiện công nghiệp hoá rút ngắn

Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, truyền bá và sử dụng tri thức là động lực chủ yếu nhất của tăng trưởng kinh tế, tạo ra của cải, tạo ra việc làm trong tất cả các ngành kinh tế. Như vậy, kinh tế tri thức và khoa học - công nghệ có quan hệ mật thiết với nhau. Kinh tế tri thức phải dựa trên sự phát triển của khoa học - công nghệ. Đồng thời, kinh tế tri thức là động lực mạnh mẽ thúc đẩy khoa học - công nghệ phát triển. Vì thế, phát triển kinh tế tri thức vừa là động lực vừa là mục tiêu của phát triển thị trường khoa học - công nghệ; đồng thời, phát triển thị trường khoa học - công nghệ chính là tiền đề, là điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế tri thức.

Trong nền kinh tế tri thức, tốc độ biến đổi của khoa học - công nghệ rất nhanh chóng; vòng đời của các sản phẩm khoa học - công nghệ cũng trở lên ngắn hơn. Các sản phẩm khoa học - công nghệ được tạo ra ngày càng nhiều và càng ưu việt về tính năng với chi phí ngày càng thấp. Do những đặc điểm của mình, kinh tế tri thức phải dựa trên xã hội học tập; việc học tập vừa là nhu cầu, vừa là đòi hỏi bắt buộc đối với tất cả mọi người.

Ở nước ta hiện nay, phát triển kinh tế tri thức có nghĩa là, *trước hết* phải phát triển khoa học - công nghệ và thị trường khoa học - công nghệ. *Thứ hai* là ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào tất cả các ngành kinh tế, làm cho giá trị sản phẩm gia tăng nhanh, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và chi phí lao động, đồng thời nâng cao được chất lượng sản phẩm từ đó nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong khu vực và trên thế giới. *Thứ ba* là xây dựng các khu công nghệ cao. *Thứ tư* là đầu tư cho các ngành kinh tế có hàm lượng khoa học - công nghệ cao: công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học... *Thứ năm* là phát triển GD&ĐT; xây dựng xã hội học tập suốt đời.

Phát triển kinh tế tri thức là quá trình rất khó khăn và lâu dài. Cần phải kết hợp mô hình phát triển vừa tuần tự, vừa nhảy vọt. Trong những điều kiện cụ thể, có thể phát triển ngay những ngành công nghệ cao dựa nhiều vào tri thức để đi tắt... tạo động lực cho toàn bộ nền kinh tế [6].

Là một nước đang phát triển, Việt Nam đang tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chúng ta không thể công nghiệp hoá theo mô hình cổ điển vì mất rất nhiều thời gian; mà phải thực hiện công nghiệp hoá rút

ngắn dựa vào sự phát triển của khoa học - công nghệ.

Như vậy, phát triển kinh tế tri thức và công nghiệp hoá rút ngắn có quan hệ chặt chẽ với nhau; đều dựa vào và đều đòi hỏi sự phát triển của khoa học - công nghệ và thị trường khoa học - công nghệ. Do đó, phát triển kinh tế tri thức và thực hiện công nghiệp hoá rút ngắn là đòi hỏi khách quan của phát triển thị trường khoa học - công nghệ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ): *ASEAN - 40 năm phát triển khoa học và công nghệ*, Hà Nội, 2007.
- [2] Phạm Ngọc Ánh (Chủ biên), *Thúc đẩy các tổ chức khoa học và công nghệ chuyển sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội, 2007.
- [3] Nguyễn Minh Phong (Chủ biên), *Phát triển thị trường khoa học - công nghệ giữa Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong cả nước*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2005.
- [4] Vũ Anh Tuấn, *Phát triển thị trường khoa học - công nghệ ở Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006.
- [5] Trần Văn Tùng, *Đông Á đổi mới công nghệ để tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2007.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X*, NXB Chính trị Quốc gia.

Solutions to develop the science - technology market in Vietnam

Pham Van Dzung

*Faculty of Polytechnical Economy, College of Economics,
Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Today, speeding up the development of the science-technology market is a pressing requirement for Vietnam. In order to do that, the Government needs to solve lots of problems, in which the most important is to educate and develop the science-technology's labor resources; to transform science-technology institutes into enterprise models; to build and perfect the market system; to develop the knowledge-based economy; to complete the "shorten-up" industrialization; etc. Nowadays, the development of the science-technology market needs to go along with the integration process of the country. Although we have to overcome lots of challenges but integration is indeed a big opportunity for this market to arise. Therefore, detail solutions to obtain this opportunity is needed. With all achievements of renovation and integration, with experiences in develop the science-technology market through previous years, Vietnam surely can develop the science-technology market rapidly in the near future.